

Số: 182/2024/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E); địa chỉ: Tầng H, V, số G đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số F đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trọng D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X (E) – Chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 622/2023/EIB/UQ-CTHĐQT ngày 29/12/2023);

- Người được ủy quyền lại: Ông Hồ An B, chức vụ: Phó phụ trách phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP X (E) – Chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 74A/2024/EIB/HUE ngày 23/4/2024);

1.2. Bị đơn: Ông Hà Văn C, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Dạ T, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số A kiệt C đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP X (E) số tiền tính đến ngày 08/7/2024 là **167.087.852 đồng** (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 157.459.128 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn là 8.547.111 đồng (Tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm mười một đồng); nợ lãi quá hạn là 871.260 đồng (T1 trăm bảy mươi một nghìn hai trăm sáu mươi đồng); nợ lãi chậm trả lãi là 210.353 đồng (Hai trăm mười nghìn ba trăm năm mươi ba đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán:

Đến ngày 10/8/2024, ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T phải trả cho Ngân hàng TMCP X (E) số tiền là **167.087.852 đồng** (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

Ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số LAV220065872/1604 ngày 29/7/2022 và khế ước nhận nợ số 1604-LDS220001465 ngày 29/7/2022.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP X (E) có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 28, diện tích đất 126,6m², tọa lạc tại số A kiệt C đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL362337 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 10/8/2020 đứng tên bà Nguyễn Thị P1, cập nhật biến động ngày 22/9/2020 đứng tên ông Hà Văn C. Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 201/2022 ngày 27/7/2022.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ thanh toán số tiền nợ thì ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền còn thiếu cho đến khi trả hết nợ.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Các bên đương sự thỏa thuận ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Hà Văn C và bà Nguyễn Thị Dạ T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

2.5. Về án phí tranh chấp:

Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: $(167.087.852 \text{ đồng} \times 5\%)/2 = 4.177.196 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 4.177.000 đồng).

Các bên đương sự thoả thuận ông **Hà Văn C** và bà **Nguyễn Thị Dạ T** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.177.000 đồng (*Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.307.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng*) mà **Ngân hàng TMCP X** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003310 ngày 22/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung